

Số: ~~634~~/BC – UBND

Phú Quốc, ngày 25 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO CÔNG KHAI
ƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH,
ĐẦU TƯ CÔNG QUÝ 3 NĂM 2023

1. Tài chính Ngân sách:

a. Thu ngân sách Nhà nước:

Dự toán thu NSNN năm 2023 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **5.780** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **2.334** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 750 tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là 1.584 tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý **3.446** tỷ đồng.

Dự toán điều chỉnh thu NSNN năm 2023 UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **5.980** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **2.534** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 950 tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là 1.584 tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý **3.446** tỷ đồng.

Dự toán điều chỉnh thu NSNN năm 2023 (lần 02) UBND Tỉnh giao trên địa bàn là **6.880** tỷ đồng, trong đó Thu phân cấp thành phố quản lý là **3.434** tỷ đồng (Thu tiền sử dụng đất và thuê đất là 1.850 tỷ đồng; Các khoản thu cân đối còn lại là 1.584 tỷ đồng), Thu do Cục thuế quản lý **3.446** tỷ đồng.

- Ước thực hiện thu NSNN quý 3 năm 2023 là **1.527,147** tỷ đồng, đạt **105,68%** dự toán thu trên địa bàn, đạt **88,79%** so dự toán điều chỉnh, đạt **122,45%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý tháng ước quý 3 năm 2023 là **664,333** tỷ đồng, đạt **113,85%** dự toán thành phố quản lý, đạt **77,38%** so dự toán điều chỉnh, đạt **141,73%** so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý ước quý 3 năm 2023 là **862,708** tỷ đồng, đạt **100,14%** so dự toán, đạt **209,98%** so cùng kỳ.

- Trong số thu phân cấp thành phố quản lý nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý 3 năm 2023 là **448,219** tỷ đồng, thì số ước thu ngân sách thành phố quý 3 năm 2023 được **216,114** tỷ đồng, đạt **54,57%** so dự toán, đạt **49,96%** so cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất và thuê đất ước quý 3 năm 2023 là **448,219** tỷ đồng, đạt **239,05%** so dự toán, đạt **96,91%** so dự toán điều chỉnh, đạt **538,72%** so cùng kỳ; chiếm tỷ trọng **67,46%** trong tổng thu phân cấp thành phố quản lý.

b. Chi ngân sách Nhà nước:

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố giao đầu năm 2023 là **1.804,292** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **825,641** tỷ đồng (Chi XDCCB nguồn tỉnh phân cấp 475,641 tỷ đồng, ghi thu ghi chi 200 tỷ đồng; Chi XDCCB nguồn NS thành phố: 350 tỷ đồng); Chi thường xuyên **786,078** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **70** tỷ đồng; Chi dự phòng **18,549** tỷ đồng; Chi khen thưởng **7,861** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **96,163** tỷ đồng.

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố điều chỉnh năm 2023 (lần 01) là **2.229,361** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **1.105,275** tỷ đồng (Chi XDCCB vốn tỉnh phân cấp **322,924** tỷ đồng, Chi XDCCB vốn ngân sách thành phố **550** tỷ đồng, *trong đó: ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất 400 tỷ đồng*. Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2022 sang năm 2023: **232,351** tỷ đồng); Chi thường xuyên **946,211** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **70** tỷ đồng; Chi dự phòng **18,549** tỷ đồng; Chi khen thưởng **7,861** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **69,707** tỷ đồng; Chi nộp NS cấp trên **11,758** tỷ đồng.

Dự toán chi ngân sách cấp thành phố điều chỉnh năm 2023 (lần 02) là **3.385,854** tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển **2.005,275** tỷ đồng (Chi XDCCB vốn tỉnh phân cấp **322,924** tỷ đồng, Chi XDCCB vốn ngân sách thành phố **1.450** tỷ đồng, *trong đó: ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất 1.300 tỷ đồng*. Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2022 sang năm 2023: **232,351** tỷ đồng); Chi thường xuyên **1.202,170** tỷ đồng; Chi cải cách tiền lương **70** tỷ đồng; Chi dự phòng **18,549** tỷ đồng; Chi khen thưởng **7,861** tỷ đồng; Chi bổ sung ngân sách xã **70,241** tỷ đồng; Chi nộp NS cấp trên **11,758** tỷ đồng.

Chi ngân sách cấp thành phố ước quý 3 năm 2023 là **356,387** tỷ đồng, đạt **79,01%** so dự toán, đạt **34,92%** so dự toán điều chỉnh, đạt **82,76%** so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi thường xuyên cấp thành phố ước quý 3 năm 2023 là **194,752** tỷ đồng, đạt **99,10%** so dự toán, đạt **64,80%** so dự toán điều chỉnh, đạt **63,34%** so cùng kỳ;

- Chi khen thưởng ước quý 3 năm 2023: Không phát sinh.

- Chi dự phòng ước quý 3 năm 2023: Không phát sinh.

- Chi trợ cấp ngân sách xã ước quý 3 năm 2023 là **14,145** tỷ đồng, đạt **58,84%** so với dự toán, đạt **80,55%** dự toán điều chỉnh, đạt **129,29%** so cùng kỳ;

2. Đầu tư Công:

2.1/ Tổng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố kể cả điều chỉnh là **2.005,275** tỷ đồng.

2.2/ Tổng giá trị giải ngân ước quý 3 năm 2023 là **142,548** tỷ đồng; đạt **69,06%** so kế hoạch, đạt **2,10%** so dự toán điều chỉnh, đạt **45,02%** so cùng kỳ.
Cụ thể:

- Nguồn Chi XDCB vốn tinh phân cấp: Ước thực hiện quý 3 năm 2023 là **56,603** tỷ đồng, đạt **47,60%** so dự toán, đạt **70,11%** so dự toán điều chỉnh, đạt **45,67%** so cùng kỳ.

- Nguồn Chi XDCB vốn thành phố quản lý: Ước thực hiện quý 3 năm 2023 là **63,570** tỷ đồng, đạt **77,65%** so dự toán, đạt **17,54%** so dự toán điều chỉnh, đạt **416,66%** so cùng kỳ.

- Nguồn Chi XDCB năm 2022 được chuyển nguồn sang năm 2023: Ước thực hiện quý 3 năm 2023 là **22,375** tỷ đồng, đạt **9,63%** so dự toán điều chỉnh, đạt **12,61%** so cùng kỳ.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách thành phố, đầu tư công quý 3 năm 2023 của UBND thành phố Phú Quốc./. *Jon 9*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Thành ủy thành phố;
- Lãnh đạo HĐND thành phố;
- LĐ UBND thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- LĐ TCKH thành phố;
- LĐVP; đ/c Hưng;
- Lưu: VT *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



Biểu số 93/CK-NSNN
(Kèm theo) TT 343/2016 TT-BTC
ngày 30/12/2016

ƯỚC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2023

theo BC số: **634/BC-T.BND** ngày **25** tháng **9** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023		Dự toán điều chỉnh		Ước thực hiện quý 3 năm 2023	So sánh Thực hiện với (%)		
		Dự toán năm	Dự toán quý	Dự toán điều chỉnh	Dự toán quý		Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	1a	2	2a	3	4=3/1a	5=3/2a	6=3/6k
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.780.000.000.000	1.445.000.000.000	6.380.000.000.000	1.720.000.000.000	1.247.126.935.943	86,31	72,51	134,60
I	Thu cân đối NSNN	2.334.000.000.000	583.500.000.000	3.434.000.000.000	858.500.000.000	664.332.983.107	113,85	77,38	141,73
I	Thu nội địa	2.334.000.000.000	583.500.000.000	3.434.000.000.000	858.500.000.000	664.332.983.107			
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					106.610.188			0,23
III	Thu cực thuế tỉnh quản lý	3.446.000.000.000	861.500.000.000	3.446.000.000.000	861.500.000.000	582.687.342.648	67,64	67,64	141,82
IV	Thu viện trợ								
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.804.292.284.755	451.073.071.189	3.385.854.085.557	855.281.953.889	356.387.245.417	79,01	41,67	48,07
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	1.708.129.284.755	427.032.321.189	3.303.855.374.717	825.963.843.679	337.300.042.214	78,99	40,84	46,17
I	Chi đầu tư phát triển	823.641.000.000	206.410.250.000	2.005.275.385.782	501.318.846.446	142.548.482.453	69,06	28,43	49,66
2	Chi thường xuyên	786.078.133.089	196.519.533.272	1.202.169.837.269	300.542.459.317	194.751.559.761	99,10	64,80	63,91
3	Chi khen thưởng	7.860.781.332	1.965.195.333	7.860.781.332	1.965.195.333	-	-	-	-
4	Dự phòng ngân sách	18.549.370.334	4.637.342.584	18.549.370.334	4.637.342.584	-	-	-	-
5	Chi từ nguồn CCTL	70.000.000.000	17.500.000.000	70.000.000.000	17.500.000.000	-	-	-	-
II	Chi trợ cấp ngân sách xã	96.163.000.000	24.040.750.000	70.240.800.840	17.560.200.210	14.144.842.708	58,84	80,55	129,29
III	Chi nộp ngân sách cấp trên			11.757.910.000	11.757.910.000	4.942.360.495		42,03	





Biểu số 94/CK-NSNN
(Kèm theo TT 343/2016 TT-BTC
ngày 30/12/2016)

ĐƯỢC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2023

BC số: 634/BC-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Dự toán điều chỉnh		Ước thực hiện quý 3 năm 2023	So sánh thực hiện với (%)		
		Dự toán năm	Dự toán quý	Dự toán điều chỉnh	Dự toán quý		Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	1a	2	2a	3	4=3/1a	5=3/2a	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.780.000.000.000	1.445.000.000.000	6.880.000.000.000	1.720.000.000.000	1.527.147.285.422	105,68	88,79	122,45
I	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					106.610.188			0,23
II	Thu cực thuế tính quản lý	3.446.000.000.000	861.500.000.000	3.446.000.000.000	861.500.000.000	862.707.692.127	100,14	100,14	209,98
III	Thu nội địa	2.334.000.000.000	583.500.000.000	3.434.000.000.000	858.500.000.000	664.332.983.107	113,85	77,38	141,73
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương	71.000.000.000	17.750.000.000	71.000.000.000	17.750.000.000	4.040.487.077	22,76	22,76	137,10
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Địa phương	8.000.000.000	2.000.000.000	8.000.000.000	2.000.000.000	1.315.590.070	65,78	65,78	60,89
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	26.000.000.000	6.500.000.000	26.000.000.000	6.500.000.000	1.255.383.124	19,31	19,31	38,27
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	655.000.000.000	163.750.000.000	655.000.000.000	163.750.000.000	79.285.966.059	48,42	48,42	111,70
5	Thuế thu nhập cá nhân	275.000.000.000	68.750.000.000	275.000.000.000	68.750.000.000	48.527.583.458	70,59	70,59	32,30
6	Thuế bảo vệ môi trường	285.000.000.000	71.250.000.000	285.000.000.000	71.250.000.000	27.033.883.000	37,94	37,94	85,51
7	Lệ phí trước bạ	181.000.000.000	45.250.000.000	181.000.000.000	45.250.000.000	40.598.360.146	89,72	89,72	79,99
8	Thu phí, lệ phí	22.000.000.000	5.500.000.000	22.000.000.000	5.500.000.000	2.717.496.999	49,41	49,41	92,39
9	Các khoản thu về nhà, đất	750.000.000.000	187.500.000.000	1.850.000.000.000	462.500.000.000	448.218.970.811	239,05	96,91	538,72
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					17.775.770			
-	Thu tiền sử dụng đất	250.000.000.000	62.500.000.000	250.000.000.000	62.500.000.000	190.129.371.996	304,21	304,21	467,64
-	Ghi thu ghi chi	200.000.000.000	50.000.000.000	400.000.000.000	100.000.000.000	25.752.570.741			
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	300.000.000.000	75.000.000.000	1.200.000.000.000	300.000.000.000	232.319.252.304	309,76	77,44	547,47
	Trong đó: ghi thu ghi chi					-			
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước								
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết								
11	Thu khác ngân sách	60.000.000.000	15.000.000.000	60.000.000.000	15.000.000.000	10.337.182.717	68,91	68,91	15,42
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoạt lợi công sản khác								
13	Thu cổ định tại xã					382.800.000			80,36
14	Thu tiền cấp quyền khai thác TN khoáng sản, vùng trời, vùng biển	1.000.000.000	250.000.000	1.000.000.000	250.000.000	1.700.646	0,68	0,68	0,24
15	Thu đóng góp					617.579.000			25,90
IV	Thu viện trợ								
B	THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	755.000.000.000	171.102.500.000	755.000.000.000	188.750.000.000	203.687.093.910	119,04	107,91	128,64
1	Từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	550.100.000.000	119.877.500.000	550.100.000.000	137.525.000.000	75.767.573.346			
2	Các khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%	204.900.000.000	51.225.000.000	204.900.000.000	51.225.000.000	127.919.520.564			



Biểu số 95/CK-NNN
(Kèm theo 11-343/2016/11-BTC
ngày 30/12/2016)

CÁC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 3 NĂM 2023

634 BC-BND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Dự toán điều chỉnh		Ước thực hiện quý 3 năm 2023	So sánh thực hiện với (%)		
		Dự toán năm	Dự toán quý	Dự toán điều chỉnh	Dự toán quý		Dự toán năm	Dự toán điều chỉnh	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	Ia	2	2a	3	4 3 1	5 3 2	6 3 ck
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.804.292.284.755	451.073.071.189	3.385.854.085.557	1.020.727.060.726	356.387.245.417	79,01	34,92	82,76
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.804.292.284.755	451.073.071.189	3.374.096.175.557	1.017.787.583.226	351.444.884.922	77,91	34,53	81,61
I	Chi đầu tư phát triển	825.641.000.000	206.410.250.000	2.005.275.385.782	675.582.385.782	142.548.482.453	69,06	21,10	45,02
1	Chi NDCB vốn tính phân cấp (TWMIT+trinh)	475.641.000.000	118.910.250.000	322.924.000.000	80.731.000.000	56.603.181.766	47,60	70,11	45,67
2	Chi NDCB vốn thành phố	350.000.000.000	87.500.000.000	1.450.000.000.000	362.500.000.000	63.570.298.553	72,65	17,54	416,66
3	Chi Nguồn vốn NDCB năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023			232.351.385.782	232.351.385.782	22.375.002.134		9,63	12,61
II	Chi thường xuyên	786.078.133.089	196.519.533.272	1.202.169.837.269	300.542.459.317	194.751.559.761	99,10	64,80	63,34
	Trong đó:								
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	244.144.243.220	61.036.060.805	262.008.205.331	65.592.051.333	53.237.607.420	87,22	81,28	90,62
2	Chi khoa học và công nghệ								
3	Chi trợ cước, trợ giá	10.000.000.000	2.500.000.000	10.000.000.000	2.500.000.000		-	-	-
2	Chi y tế, dân số và gia đình	152.609.318.692	38.152.329.673	181.835.911.717	45.458.977.929	39.319.491.872	103,06	86,49	50,86
3	Chi văn hóa thông tin	8.221.872.374	2.055.468.094	7.841.204.790	1.960.301.198	1.493.436.204	72,66	76,18	120,26
4	Chi phát thanh, truyền hình	1.309.580.250	327.395.063	1.309.580.250	327.395.063	116.390.811	35,55	35,55	89,09
5	Chi thể dục thể thao	560.731.875	140.182.969	560.731.875	140.182.969	134.204.000	95,73	95,73	30,38
6	Chi sự nghiệp môi trường, du lịch	92.118.240.000	23.029.560.000	92.118.240.000	23.029.560.000	41.362.086.589	179,60	179,60	628,87
7	Chi hoạt động kinh tế	202.872.694.067	50.718.173.517	563.339.250.032	140.834.812.508	38.381.171.042	75,68	27,25	28,13
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	55.771.629.361	13.942.907.340	61.490.206.966	15.372.551.742	15.256.389.808	109,42	99,24	109,72
9	Chi bảo đảm xã hội	12.469.823.250	3.117.455.813	15.666.506.308	3.916.626.577	3.340.782.015	107,16	85,30	39,88
10	Chi khác	6.000.000.000	1.500.000.000	6.000.000.000	1.500.000.000	2.110.000.000	140,67	140,67	137,78
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	70.000.000.000	17.500.000.000	70.000.000.000	17.500.000.000	-	-	-	-
IV	Chi khen thưởng	7.860.781.332	1.965.195.333	7.860.781.332	1.965.195.333	-	-	-	-
V	Dự phòng ngân sách	18.549.370.334	4.637.342.584	18.549.370.334	4.637.342.584	-	-	-	-
VI	Chi hỗ trợ ngân sách xã	96.163.000.000	24.040.750.000	70.240.800.840	17.560.200.210	14.144.842.708	58,84	80,55	129,29
B	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			11.757.910.000	2.939.477.500	4.942.360.495		168,14	
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			-	-	65.562.789.156			52,88
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					4.355.000.000			
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					56.603.181.766			45,67
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					4.604.607.390			14.479,90